

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giao dịch trong vùng 1,270 – 1,275 cả buổi sáng trước khi tăng mạnh trong phiên chiều và đóng cửa tại mốc 1,284.05 điểm, tăng hơn 11 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 14/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Ngân hàng, Bán lẻ dẫn đầu đà tăng. Ở chiều ngược lại, ngành Dầu khí giảm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường đang trên đà hồi phục về những ngưỡng kháng cự cũ. Trong những phiên tới, chỉ số có thể tiếp tục tiến lên vùng 1,290 – 1,300, tuy nhiên nhà đầu tư nên cẩn thận áp lực chốt lời tại vùng giá cao.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 21/08/2024, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+11.50** điểm, đóng cửa tại **1284.05** điểm. HNX-Index **+1.11** điểm, đóng cửa tại **238.42** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.75)**, **BID (+2.05)**, **CTG (+1.33)**, **FPT (+0.71)**, **MBB (+0.65)**.
- Kéo chỉ số giảm: **PLX (-0.20)**, **SAB (-0.18)**, **VNM (-0.15)**, **BCM (-0.12)**, **HVN (-0.08)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,828** tỷ đồng, giảm **-0.62%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 20,613 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 15.14 điểm. Thị trường có **241** mã tăng, 70 mã tham chiếu, **174** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-217.07** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-157.22 tỷ)**, **MWG (-96.34 tỷ)**, **MSN (-75.19 tỷ)**, **TCB (-72.75 tỷ)**, **HSG (-66.41 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-92.32** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.90%**. Các mã diễn biến tích cực: **CTG (+3.01%)**, **BID (+2.95%)**, **VCB (+2.20%)**.
- BSC50 **+0.62%**. Các mã diễn biến tích cực: **FRT (+6.82%)**, **LCG (+4.15%)**, **CSV (+3.72%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.90%	0.62%	0.90%	0.95%
1 tuần	3.77%	5.10%	3.43%	2.74%
1 tháng	1.36%	2.14%	1.19%	1.34%
3 tháng	-3.48%	-8.88%	-3.98%	-2.01%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,284.05	238.42	94.48
% 1D	0.90%	0.47%	0.40%
GTGD (tỷ VND)	17,828	1,245	998
%1D	-0.62%	-4.84%	22.07%
GDNN (tỷ VND)	-217.07	-92.32	-12.58

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	273.84	HPG	-157.22
CTG	193.38	MWG	-96.34
VCB	131.49	MSN	-75.19
BID	41.17	TCB	-72.75
TCH	31.05	HSG	-66.41

Thị trường thế giới

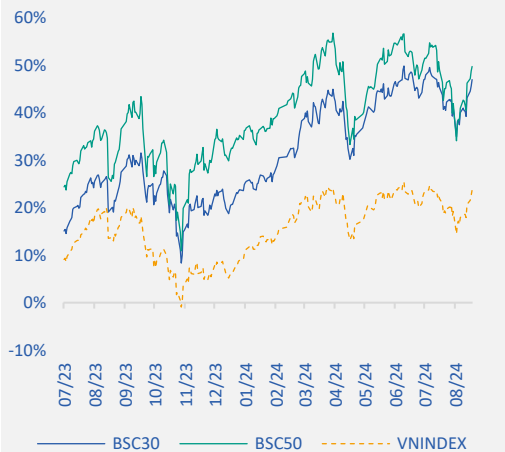
		%D	%W
SPX	5,597	-0.20%	2.99%
FTSE100	8,285	0.14%	0.05%
Eurostoxx	4,875	0.28%	3.32%
Shanghai	2,857	-0.35%	0.21%
Nikkei	37,970	-0.35%	4.23%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	77.40	0.27%
Giá vàng	2,554	1.68%
Tỷ giá		
USD/VND	25,100	0.08%
EUR/VND	28,493	0.42%
JPY/VND	176	1.15%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	0.0%	-2.76%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



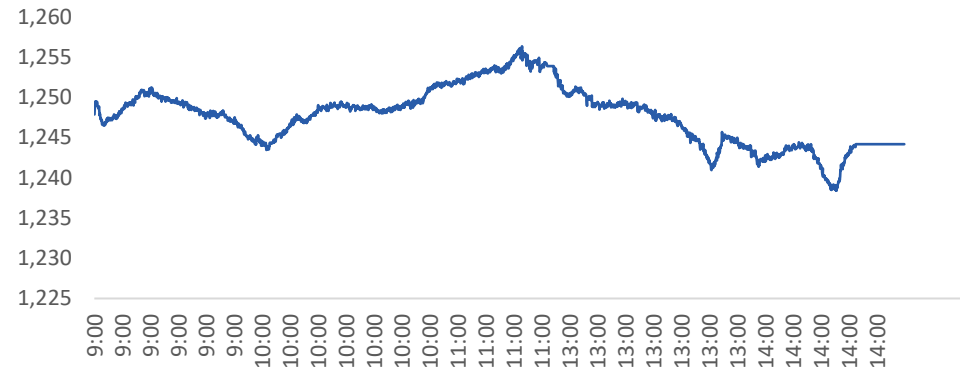
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1312.40	0.80%	222394	11.81%	9/19/2024	29
VN30F2412	1312.90	0.68%	190	106.5%	12/19/2024	120
VN30F2503	1314.00	0.72%	34	78.95%	3/20/2025	211
VN30F2410	1314.00	0.87%	316	16.18%	10/17/2024	57

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +12.44 điểm, đóng cửa tại 1317.69 điểm. Biên độ dao động 17.91 điểm. Các cổ phiếu như FPT, MBB, VCB, HPG, ACB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 bật tăng cuối phiên với thanh khoản nằm trên ngưỡng MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2409.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMBB2404	3/6/2025	197	5,400	-74.75%	2.35	1,950	11.4%	11.23	6.25	24.75	24.75
CMBB2315	1/9/2025	141	2,462,300	-66.48%	1.96	1,620	6.6%	5.83	8.30	24.75	24.75
CFPT2314	1/9/2025	141	865,300	-48.46%	10.00	5,880	4.1%	12.37	68.80	133.50	133.50
CMBB2318	9/23/2024	33	566,900	-64.58%	1.76	1,790	4.1%	5.88	8.77	24.75	24.75
CFPT2317	11/21/2024	92	146,400	-51.99%	10.10	3,600	4.0%	8.23	64.10	133.50	133.50
CTCB2310	10/9/2024	49	636,400	-35.90%	3.39	1,380	3.8%	2.40	14.10	22.00	22.00
CSTB2402	5/21/2025	273	305,500	-75.56%	3.00	1,440	3.6%	9.02	7.32	29.95	29.95
CACB2305	10/9/2024	49	1,067,100	-73.14%	2.02	900	3.4%	4.44	6.55	24.40	24.40
CSTB2337	11/21/2024	92	400,500	-76.03%	2.70	640	3.2%	3.90	7.18	29.95	29.95
CMWG2314	1/9/2025	141	953,700	-62.18%	5.20	2,120	2.9%	6.47	26.40	69.80	69.80
CMWG2401	5/21/2025	273	121,400	-73.68%	6.55	2,980	2.8%	16.00	18.37	69.80	69.80
CMWG2402	12/6/2024	107	52,900	-74.98%	6.35	2,240	2.8%	12.81	17.46	69.80	69.80
CTCB2309	9/25/2024	35	94,700	-38.81%	3.39	3,460	2.4%	6.40	13.46	22.00	22.00
CHPG2334	1/9/2025	141	203,600	-74.73%	2.68	540	1.9%	3.23	6.61	26.15	26.15
CHPG2342	11/21/2024	92	65,300	-66.28%	2.18	730	1.4%	2.64	8.82	26.15	26.15
CACB2304	9/25/2024	35	32,500	-71.11%	1.93	2,030	1.0%	8.92	7.05	24.40	24.40
CMWG2403	3/6/2025	197	15,100	-73.42%	6.45	2,440	0.4%	12.80	18.55	69.80	69.80
CVNM2401	5/21/2025	273	102,300	-70.41%	6.60	1,960	-0.5%	8.62	22.28	75.30	75.30
CSHB2306	1/6/2025	138	1,100	-71.80%	1.28	870	-1.1%	4.72	3.02	10.70	10.70
CHPG2316	9/23/2024	33	2,600	21.18%	28.89	700	-30.0%	0.07	31.69	26.15	26.15

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 21/08/2024, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CVPB2318 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 37.50%. CFPT2314 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.39%.
- CHPG2316, CTCB2310, CTCB2309, CFPT2314, và CFPT2317 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.
- CVNM2404, CVNM2315, CVNM2403, CMWG2401, và CMWG2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	133.50	1.52%	1.95
MBB	24.75	2.06%	1.46
VCB	92.80	2.20%	1.24
HPG	26.15	1.36%	1.23
ACB	24.40	1.24%	1.20

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VNM	75.30	-0.40%	-0.25
VJC	104.90	-0.47%	-0.14
SAB	57.40	-1.03%	-0.08
PLX	48.80	-1.31%	-0.08

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	92.80	2.20%	2.75	5.59
BID	50.60	2.95%	2.05	5.70
CTG	34.20	3.01%	1.33	5.37
FPT	133.50	1.52%	0.71	1.46
MBB	24.75	2.06%	0.65	5.31

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	16.50	2.48%	0.24	0.81
PVI	53.00	1.73%	0.16	0.23
PVS	40.70	0.99%	0.14	0.48
DNP	21.00	6.06%	0.11	0.12
CDN	30.90	3.34%	0.07	0.10

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

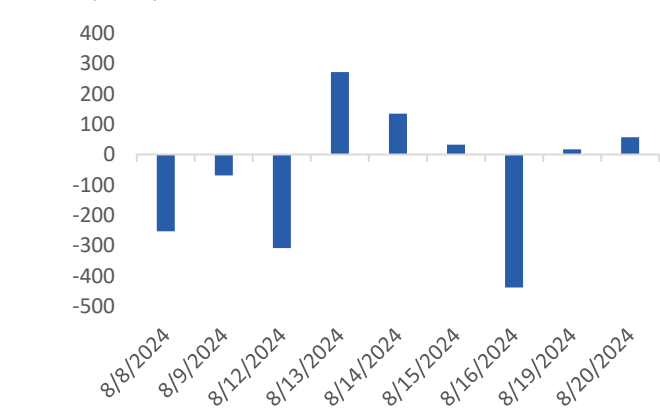
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PLX	48.80	-1.31%	-0.20	1.27
SAB	57.40	-1.03%	-0.18	1.28
VNM	75.30	-0.40%	-0.15	2.09
BCM	72.00	-0.69%	-0.12	1.04
HVN	22.00	-0.68%	-0.08	2.21

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	50.60	-2.69%	-0.20	0.20
MVB	20.10	-6.51%	-0.10	0.11
VCS	67.00	-1.03%	-0.08	0.16
VIF	17.90	-1.65%	-0.07	0.35
DTK	12.90	-0.77%	-0.05	0.68

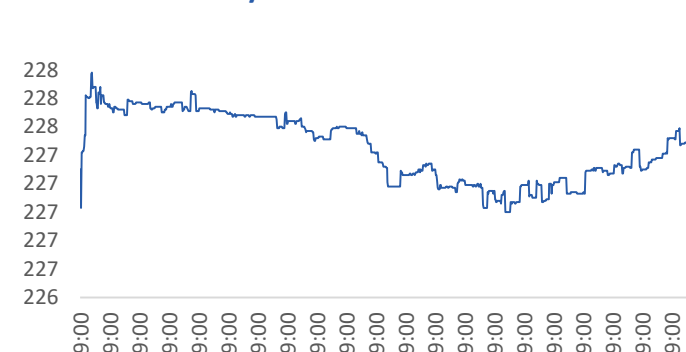
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

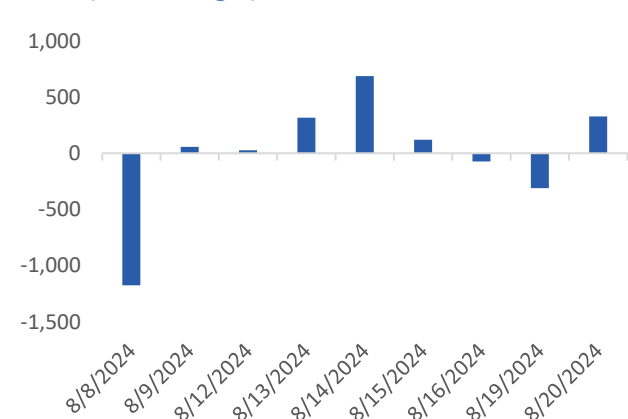
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	92.8	2.20%	0.6	20,780	10.2	5,962	15.6	-	23.2%	Link
BID	Ngân hàng	50.6	3.00%	1.1	11,556	12.5	4,006	12.6	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	18.8	0.80%	1.0	5,960	25.4	1,460	12.8	-	26.7%	Link
TCB	Ngân hàng	22.0	0.70%	1.2	6,210	17.7	3,047	7.2	-	21.8%	Link
MBB	Ngân hàng	24.8	2.10%	1.0	5,262	21.3	4,018	6.2	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.0	1.00%	1.2	2,262	10.7	4,340	6.9	-	23.2%	Link
CTG	Ngân hàng	34.2	3.00%	1.3	7,358	37.7	3,782	9.0	-	26.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.4	1.20%	0.7	4,366	6.4	3,676	6.6	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	33.0	1.20%	1.3	1,998	17.1	1,882	17.6		42.6%	Link
IDC	Xây dựng	61.7	-0.20%	1.1	816	3.0	5,573	11.1	65,700	24.1%	Link
HPG	Xây dựng	26.2	1.40%	1.2	6,701	26.0	1,746	15.0	41,500	24.4%	Link
HSG	VLXD	21.0	1.00%	1.7	520	14.6	1,844	11.4	25,300	20.4%	Link
VHM	BĐS	39.8	0.90%	0.9	6,934	21.8	5,326	7.5	108,300	15.7%	Link
KDH	BĐS	37.7	-0.10%	1.3	1,374	2.7	765	49.3	44,500	39.6%	Link
NLG	BĐS	40.7	0.20%	1.3	627	2.7	1,102	36.9	-	49.4%	Link
DGC	Hóa chất	112.8	0.70%	1.5	1,716	7.5	7,898	14.3	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	37.5	-0.90%	1.3	795	9.3	2,828	13.3	38,700	8.5%	Link
GAS	Dầu khí	85.0	0.60%	0.6	7,821	7.4	4,760	17.9	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	40.7	1.00%	1.0	779	7.8	1,932	21.1	57,000	21.6%	Link
PVD	Dầu khí	28.0	1.30%	1.3	624	5.5	1,150	24.3	38,400	16.2%	Link
POW	Dầu khí	13.8	1.90%	0.7	1,290	7.0	467	29.4	17,100	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	72.0	-0.30%	1.2	648	1.3	3,216	22.4	108,500	29.6%	Link
GMD	Logistics	83.4	0.70%	0.9	1,037	3.6	3,966	21.0	90,400	48.1%	Link
VNM	Bán lẻ	75.3	-0.40%	0.6	6,305	12.0	4,633	16.3	93,100	50.1%	Link
MSN	Bán lẻ	77.5	-0.10%	1.2	4,698	14.0	466	166.2	110,000	28.5%	Link
MWG	Bán lẻ	69.8	0.40%	1.3	4,088	25.0	1,507	46.3	-	46.8%	Link
PNJ	Bán lẻ	108.4	0.40%	0.9	1,453	6.4	6,133	17.7	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	62.0	1.60%	1.7	415	5.2	2,237	27.7	66,600	24.4%	Link
FPT	Bán lẻ	133.5	1.50%	1.2	7,811	32.7	4,889	27.3	107,900	45.2%	Link
CTR	Hạ tầng	128.5	0.30%	1.4	589	1.1	4,590	28.0	-	10.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	27.1	1.10%	0.9	3,162	7.0	4,137	6.6	1.6	18.2%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.4	-0.20%	1.1	2,170	6.0	3,048	7.0	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.9	2.00%	1.3	1,579	12.0	2,154	8.3	1.1	28.4%	13.7%
MSB	Ngân hàng	15.0	1.40%	1.1	1,202	6.3	2,366	6.3	0.9	29.4%	16.0%
EIB	Ngân hàng	19.2	0.50%	0.9	1,336	5.2	1,273	15.0	1.4	2.9%	10.1%
HCM	Chứng khoán	27.5	0.40%	1.7	776	9.6	1,397	19.7	1.8	45.1%	8.3%
VCI	Chứng khoán	47.1	1.30%	1.7	834	6.7	1,763	26.7	2.3	19.2%	7.1%
VND	Chứng khoán	15.6	0.00%	1.5	948	6.6	1,591	9.8	1.4	12.6%	13.1%
BSI	Chứng khoán	49.6	-0.40%	1.8	443	1.1	2,165	22.9	2.1	39.9%	9.0%
SHS	Chứng khoán	16.5	2.50%	1.7	538	6.6	1,338	12.3	1.2	9.0%	5.7%
CTD	Xây dựng	64.8	-0.90%	1.3	259	1.4	2,996	21.6	0.8	47.1%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.2	0.80%	1.5	210	2.7	860	14.1	0.6	8.2%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.3	4.10%	1.6	87	3.0	771	14.7	0.8	2.3%	4.6%
SZC	Xây dựng	38.2	-0.70%	1.2	276	1.4	1,549	24.7	2.3	3.1%	13.4%
SIP	Xây dựng	74.7	-0.40%	1.4	626	1.1	5,925	12.6	3.5	1.6%	26.9%
PHR	BĐS KCN	57.6	0.30%	1.0	313	0.1	3,028	19.0	2.0	18.4%	18.3%
DIG	BĐS	24.6	-2.00%	1.7	600	21.1	152	161.9	2.0	4.2%	2.1%
CEO	BĐS	16.7	-0.60%	1.9	362	5.8	313	53.3	1.4	4.8%	2.4%
KBC	BĐS KCN	27.3	0.60%	1.5	840	3.1	295	92.7	1.1	20.4%	11.7%
VGC	BĐS KCN	45.4	1.00%	1.2	816	1.9	1,776	25.6	2.5	5.1%	12.5%
GVR	BĐS KCN	35.2	0.40%	1.6	5,649	2.9	704	50.1	2.8	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	21.8	1.60%	1.7	230	4.6	1,580	13.8	1.0	15.4%	2.3%
BMP	Vật liệu	103.4	0.80%	1.2	339	0.9	11,420	9.1	3.2	83.3%	39.1%
IJC	Hạ tầng	14.4	-1.00%	1.5	219	1.5	683	21.1	1.1	4.6%	10.3%
DXG	BĐS	15.7	0.60%	1.5	453	8.7	249	63.1	1.1	17.8%	1.1%
VRE	Bất động sản	18.9	0.80%	1.2	1,721	4.7	1,975	9.6	1.1	22.9%	12.4%
PDR	Bất động sản	21.0	2.70%	1.7	735	14.6	557	37.7	1.7	8.0%	7.2%
DIG	Bất động sản	24.6	-2.00%	1.7	600	21.1	152	161.9	2.0	4.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	17.4	0.60%	1.2	622	1.1	64	271.4	1.8	1.5%	0.7%
C4G	Xây dựng	9.6	1.10%	1.3	-	0.4	507	18.9	0.9	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	40.4	3.70%	1.8	179	8.4	4,748	8.5	1.2	5.3%	16.1%
DHC	Hóa chất	38.5	0.10%	1.2	124	0.2	3,067	12.6	1.7	39.8%	17.2%
DRC	Cao su	34.4	1.20%	0.8	164	1.2	2,509	13.7	2.2	11.9%	13.2%
PC1	Điện	29.5	0.20%	1.3	368	2.4	892	33.1	1.7	12.1%	4.1%
HDG	BĐS	28.4	-1.20%	1.4	383	4.8	1,989	14.3	1.6	15.6%	12.9%
GEX	Điện	21.8	0.00%	1.7	745	5.1	1,245	17.5	1.4	8.8%	4.1%
QTP	Điện	15.0	1.40%	0.6	-	0.3	1,357	11.1	1.2	1.3%	10.8%
PLX	O&G	48.8	-1.30%	0.9	2,484	6.3	2,874	17.0	2.5	17.8%	10.7%
BSR	O&G	24.3	0.80%	1.1	-	14.6	2,408	10.1	1.3	0.7%	15.6%
PLC	O&G	26.6	0.40%	1.5	86	0.2	728	36.5	1.8	0.3%	8.4%
ANV	Thủy sản	32.8	-0.60%	1.4	175	0.9	262	125.0	1.5	1.1%	1.5%
PTB	Gỗ	66.4	0.90%	0.8	178	0.2	4,903	13.5	1.6	25.0%	10.6%
VSC	Logistics	19.2	0.00%	1.4	205	2.5	713	26.9	1.2	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	41.7	-0.70%	1.3	203	4.3	2,800	14.9	1.8	9.0%	12.1%
VTP	Logistics	77.1	-0.10%	1.6	376	2.9	2,943	26.2	5.9	6.9%	25.6%
DBC	Logistics	28.4	-0.40%	1.7	366	4.1	979	29.0	1.4	11.9%	0.5%
FRT	Bán lẻ	188.0	6.80%	0.7	1,026	16.3	(414)	-453.7	15.4	36.0%	11.8%
QNS	Bán lẻ	48.5	0.60%	0.6	-	0.8	6,678	7.3	2.0	15.0%	27.3%
TNG	Dệt may	28.2	0.70%	1.2	138	3.3	2,254	12.5	1.8	19.1%	12.5%
PVT	O&G	29.5	1.40%	1.0	421	3.4	2,802	10.5	1.5	14.0%	14.3%
DPM	Phân bón	36.2	-5.20%	1.3	568	5.7	1,703	21.3	1.2	8.1%	4.2%
REE	Tiện ích	70.1	0.30%	1.1	1,323	2.1	3,804	18.4	1.9	49.0%	13.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639